

LỊCH MỞ CỦA PHÒNG MÁY TÍNH THỰC HÀNH CƠ SỞ QUẬN 7									
TUẦN 41		07/10/2024	08/10/2024	09/10/2024	10/10/2024	11/10/2024	12/10/2024	13/10/2024	
PM		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ Nhật	
Sáng	B602	2006 HTTKT GV L T T Việt	2604 THKTTC GV P T Huyền	2003 HTTKT GV N D Duẩn	2604 THKTTC GV P T Huyền	2603 THKTTC GV T T N Nga	2603 THKTTC GV T T N Nga		
	B603	4201 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	4219 Kinh tế lượng GV N T Hưng	4203 Kinh tế lượng GV N T Duy	4213 Kinh tế lượng GV N V Phong	4206 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng	4210 Kinh tế lượng GV D Q Hòa		
	B604	4207 Kinh tế lượng GV N H Hoàng	4220 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4211 Kinh tế lượng GV V T B Khuê	4222 Kinh tế lượng GV V T B Khuê	4221 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	3326 THUD GV T Đ H Thụy		
	B605		4210 Kinh tế lượng GV N V Phong	4224 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng	3317 THUD GV L H T Mai	2401 Kinh tế lượng GV N H Hoàng	4217 Kinh tế lượng GV N T Duy		
	B606	3305 THUD GV V T T Hương	3308 THUD GV L T K Thoa	3310 THUD GV N T T Lộc	8003 THUD GV P T Tú	3312 THUD GV T A Sơn	3307 THUD GV N Q Thanh		
	B608	3315 THUD GV T X Hương	3317 THUD GV L H T Mai	3323 THUD GV N T Trường	3320 THUD GV T T Công	3321 THUD GV T Đ H Thụy	3313 THUD GV T T Hiếu		
	B610	3327 THUD GV T T N Lý	3324 THUD GV H N T Trung	3305 THUD GV V T T Hương	3325 THUD GV H N T Trung	3327 THUD GV T T N Ly	3310 THUD GV N T T Lộc		
	Người Trực	Đạt	Nam	Đạt	Nam	Đạt	Đạt		
	Chiều	B602	2001 HTTKT GV L T T Việt	2602 THKTTC GV P T Huyền	2005 HTTKT GV L T T Việt	2602 THKTTC GV P T Huyền	2601 THKTTC GV T T N Nga	2601 THKTTC GV T T N Nga	
		B603	4202 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng	4212 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	4221 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4214 Kinh tế lượng GV N T Hưng	6501 THUD GV L H T Mai	4209 Kinh tế lượng GV D Q Hòa	
B604			4218 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng		4215 Kinh tế lượng GV T Đ Phụng	4224 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng	4216 Kinh tế lượng GV N T Duy		
B605		3306 THUD GV T A Sơn	2402 Kinh tế lượng GV N T Hưng	4202 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng	4223 Kinh tế lượng GV V T B Khuê		4206 Kinh tế lượng GV T Đ Trưởng		
B606		3311 THUD GV T X Hương	8002 THUD GV T T San	3309 THUD GV N T T Lộc	3303 THUD GV B M Trường	3306 THUD GV T A Sơn	3302 THUD GV N Q Thanh		
B608		3314 THUD GV B M Trường	3318 THUD GV L T K Thoa	3322 THUD GV N T Trường	8001 THUD GV T T Công	3326 THUD GV T Đ H Thụy	3316 THUD GV T T Hiếu		
B610		3319 THUD GV N T N Lý	3316 THUD GV T T Hiếu	3311 THUD GV T X Hương	3324 THUD GV H N T Trung	8002 THUD GV T T San	3302 THUD GV N T Trường		
Người Trực		Đạt	Nam	Đạt	Nam	Đạt	Đạt		